

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

ĐỀ TÀI: PHÂN TÍCH TIẾN TRÌNH CNH-HĐH Ở VIỆT NAM VÀ ĐỀ RA NHỮNG GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CNH-HĐH NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền

Sinh viên thực hiện : Đặng Thu Uyên

Lớp : K23ATCC

Mã sinh viên : 23A7510168

Hà nội, ngày 12 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.....	2
NỘI DUNG.....	2
CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT LÝ LUẬN VỀ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở VIỆT NAM.....	2
1.1 Khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá.....	2
1.2 Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.....	4
1.3 Nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.....	5
CHƯƠNG II. TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở VIỆT NAM VÀ THỰC TRẠNG CNH, HĐH Ở NÔNG THÔN HIỆN NAY.....	9
2.1 Các giai đoạn phát triển công nghiệp ở nước ta.....	9
2.2 Thực trạng công nghiệp nông thôn ở Việt Nam.....	13
CHƯƠNG III. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CNH, HĐH NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY (ĐẾN NĂM 2010).....	14
3.1 Vấn đề đầu tư vào nông thôn.....	14
3.2 Về vấn đề lao động việc làm của thanh niên nông thôn hiện nay.....	14
3.3 Về vấn đề quy hoạch nông thôn.....	16
3.4 Về vấn đề văn hoá nông thôn hiện nay.....	17
KẾT LUẬN.....	17

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công nghiệp hoá- Hiện đại hoá (CNH-HĐH) là con đường kinh tế tất yếu phải tiến hành đối với bất kì quốc gia nào. Việc tập trung phát triển kinh tế giống như là cuộc chạy đua đường như không có hồi kết giữa các quốc gia trên thế giới. Các nước luôn tìm cách nhằm đưa mình tiến xa hơn so với những nước khác, đó là những nước tư bản chủ nghĩa (TBCN) với nguồn vốn lớn và kỹ thuật hiện đại luôn có tham vọng thôn tóm thế giới, hay những nước có xuất phát điểm từ nền nông nghiệp kém phát triển muốn xây dựng nền kinh tế phát triển hiện đại.

Trước tình hình đó, Việt Nam ngoài việc đặt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước lên tiêu chí hàng đầu, thì cần phải chú trọng hơn nữa vào công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường hiện thời. Đối với Việt Nam là một quốc gia bị tụt hậu phía sau so với nền kinh tế thế giới, ước tính có hơn 80% dân số sống ở nông thôn với một cơ cấu kinh tế độc canh thuần nông, năng suất lao động thấp, nhu cầu việc làm vô cùng bức bách. Đại hội lần IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn đường lối CNH-HĐH nước ta, trong đó đặc biệt coi trọng phát triển công nghiệp nông thôn, từ đó chuyển dịch cơ cấu kinh tế thực hiện CNH- HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Từ thực tiễn và trên cơ sở tham khảo các tài liệu, em quyết định chọn đề tài nghiên cứu về **“phân tích tiến trình CNH-HĐH ở Việt Nam và đề ra những giải pháp thúc đẩy CNH-HĐH nông thôn ở Việt Nam hiện nay”**.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Khái quát lý luận về CNH, HĐH ở Việt Nam, từ đó phân tích tiến trình CNH, HĐH ở Việt Nam đồng thời đề ra những giải pháp thúc đẩy CNH, HĐH nông thôn ở Việt Nam hiện nay.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến lý luận về khái niệm, tính tất yếu khách quan và nội dung của CNH, HĐH ở Việt Nam.

- Phân tích tiến trình CNH, HĐH ở Việt Nam và thực trạng công nghiệp nông thôn hiện nay.
- Đề ra giải pháp đối với CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam hiện nay dựa trên nhu cầu của thực tiễn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: Nghiên cứu về tiến trình CNH, HĐH ở Việt Nam và CNH, HĐH nông thôn ở Việt Nam hiện nay.

Phạm vi: Phạm vi từ thế kỷ XVII, XVIII cho đến hậu gia nhập WTO của Việt Nam (đến năm 2010).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: nghiên cứu được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của kinh tế chính trị Mác – Lê-nin.

Phương pháp nghiên cứu: Vận dụng các phương pháp thống nhất phân tích - tổng hợp, lịch sử - logic, diễn dịch – quy nạp, phương pháp đọc hiểu tài liệu, văn bản, ...

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa lý luận: Tiểu luận góp phần hệ thống hoá, khái quát lại lý luận về CNH, HĐH ở Việt Nam từ khái niệm CNH, HĐH cho đến nội dung và tính tất yếu khách quan của CNH, HĐH.

Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả của tiểu luận có thể làm tư liệu tham khảo khi nghiên cứu về tiến trình CNH – HĐH Việt Nam và đặc biệt là về thực trạng CNH, HĐH ở nông thôn Việt Nam để từ đó đề ra phương hướng, mục tiêu và giải pháp đúng đắn phù hợp trong công cuộc xây dựng đất nước.

NỘI DUNG

Chương I. Khái quát lý luận về công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam

1.1 Khái niệm về công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Ở thế kỷ XVII, XVIII, khi cách mạng công nghiệp được tiến hành ở Tây Âu, công nghiệp hoá được hiểu là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng

máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao hơn. Khái niệm công nghiệp hoá mang tính lịch sử, tức là luôn có sự thay đổi cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, của khoa học – công nghệ. Do đó, việc nhận thức đúng đắn khái niệm này trong từng giai đoạn phát triển của nền sản xuất xã hội có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn.

Kế thừa có chọn lọc những tri thức văn minh của nhân loại, rút những kinh nghiệm trong lịch sử tiến hành công nghiệp hoá, và thực tiễn công nghiệp hoá ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy khoá VI và Đại hội địa biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt nam đã xác định: công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học – công nghệ nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Khái niệm CNH trên đây được Đảng ta xác định rộng hơn những quan niệm trước đó, bao hàm cả về hoạt động sản xuất, kinh doanh, cả về dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, được sử dụng bằng các phương tiện và các phương pháp tiên tiến, hiện đại cùng với kỹ thuật và công nghệ cao. Như vậy, công nghiệp hoá theo tư tưởng mới là không bó hẹp trong phạm vi trình độ các lực lượng sản xuất đơn thuần, kỹ thuật đơn thuần, để chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí như quan niệm trước đây.

Do những biến đổi của nền kinh tế thế giới và điều kiện cụ thể của đất nước, CNH nước ta hiện nay có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, CNH phải gắn liền với HĐH. Sở dĩ như vậy là vì trên thế giới đang diễn ra cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, một số nước phát triển đã bắt đầu chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, nên phải tranh thủ ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, tiếp cận kinh tế tri thức để hiện đại hoá những ngành, những khâu, những lĩnh vực có điều kiện nhảy vọt.

Thứ hai, CNH nhằm mục tiêu độc lập dân tộc và của nghĩa xã hội, CNH là tất yếu với tất cả các nước chậm phát triển nhưng với mỗi nước, mục tiêu và tính chất của CNH có thể khác nhau. Ở nước ta, CNH nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, tăng cường sức mạnh để bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Thứ ba, CNH, HĐH trong điều kiện cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Điều này làm cho CNH ở giai đoạn hiện nay khác với CNH trong thời kỳ trước đổi mới. Trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung – hành chính, bao cấp, CNH được thực hiện theo kế hoạch, theo mệnh lệnh của Nhà nước. Trong cơ chế kinh tế hiện nay, Nhà nước vẫn giữ vai trò hết sức quan trọng trong quá trình CNH. Nhưng CNH không xuất phát từ chủ quan của Nhà nước, nó đòi hỏi phải vận dụng các quy luật khách quan mà trước hết là các quy luật thị trường.

Thứ tư, CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, vì thế mở cửa nền kinh tế, phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế là tất yếu đối với ta.

CNH trong điều kiện “chiến lược” kinh tế mở có thể đi nhanh nếu chúng ta biết tận dụng, tranh thủ được thành tựu của thế giới và sự giúp đỡ của quốc tế. CNH trong điều kiện “chiến lược” kinh tế mở cũng gây nên không ít trở ngại do những tác động tiêu cực của nền kinh tế thế giới, do “trật tự” của nền kinh tế thế giới mà các nước tư bản phát triển thiết lập không có lợi cho các nước nghèo, lạc hậu. Vì thế, CNH, HĐH phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế nước ta là một nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Những đặc điểm trên đây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình công nghiệp hoá ở nước ta hiện nay.

1.2 Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Mỗi phương thức sản xuất xã hội chỉ có thể được xác lập vững chắc trên cơ sở vật chất – kỹ thuật tương ứng. Cơ sở vật chất – kỹ thuật của một xã hội là toàn bộ hệ thống các yếu tố vật chất của lực lượng sản xuất xã hội phù hợp với trình độ kỹ thuật tương ứng mà lực lượng lao động xã hội sử dụng để sản xuất ra của cải vật chất nhằm thoả mãn nhu cầu của xã hội. Nhiệm vụ quan trọng nhất của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) không qua chế độ tư bản chủ

nghĩa, là phải xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH, trong đó có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến. Muốn thực hiện thành công nhiệm vụ quan trọng nói trên, nhất thiết phải tiến hành CNH, tức là chuyển nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu thành nền kinh tế công nghiệp.

CNXH muốn tồn tại và phát triển, cũng cần phải có một nền kinh tế tăng trưởng và phát triển, cũng cần phải có một nền kinh tế tăng trưởng và phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH cần phải xây dựng trên cơ sở những thành tựu mới nhất, tiên tiến nhất của khoa học và công nghệ. Cơ sở vật chất – kỹ thuật đó phải tạo ra được một năng suất lao động xã hội cao. CNH chính là quá trình tạo ra nền tảng cơ sở vật chất đó cho nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa.

Việt Nam đi lên CNXH từ một nước nông nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất – kỹ thuật thấp kém, trình độ của lực lượng sản xuất chưa phát triển, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới được thiết lập, chưa được hoàn thiện. Vì vậy, quá trình CNH là một bước tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho CNXH, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Trong xu thế khu vực hoá và toàn cầu hoá về kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, trong điều kiện cách mạng khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại phát triển rất nhanh chóng; những thuận lợi và khó khăn về khách quan và chủ quan, có nhiều thời cơ và cũng có nhiều nguy cơ, vừa tạo ra vận hội mới, vừa cản trở, thách thức nền kinh tế của chúng ta, đan xen với nhau, tác động lẫn nhau. Vì vậy, đất nước chúng ta phải chủ động sáng tạo nắm lấy thời cơ, phát huy những thuận lợi để đẩy nhanh quá trình CNH, tạo ra thế và lực mới để vượt qua những khó khăn, đẩy lùi nguy cơ, đưa nền kinh tế tăng trưởng, phát triển bền vững.

1.3 Nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam

Căn cứ trên cơ sở khái niệm CNH, HĐH ở Việt Nam, CNH, HĐH ở Việt Nam bao gồm những nội dung sau:

Một là, tạo lập những điều kiện để có thể thực hiện chuyển đổi từ nền sản xuất – xã hội lạc hậu sang nền sản xuất – xã hội tiến bộ.

Muốn thực hiện chuyển đổi trình độ phát triển, đòi hỏi phải dựa trên những tiền đề trong nước, quốc tế. Do đó, nội dung quan trọng hàng đầu để thực hiện thành công CNH, HĐH là phải thực hiện tạo lập các điều kiện cần thiết trên tất cả các mặt của đời sống sản xuất xã hội. Tuy vậy, không có nghĩa là chờ chuẩn bị đầy đủ mới thực hiện CNH, HĐH. Thực tế phải thực hiện các nhiệm vụ một cách đồng thời.

Hai là, thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi nền sản xuất – xã hội lạc hậu sang nền sản xuất – xã hội hiện đại. Cụ thể là:

Thứ nhất, đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại.

CNH, HĐH trước hết là quá trình chuyển từ lao động thủ công sang kỹ thuật lạc hậu lên lao động sử dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất lao động xã hội. Để thực hiện được điều này, đòi hỏi phải từng bước trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật ngày càng hiện đại cho nền sản xuất, thông qua việc thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, tự động hoá.

Đối với những nước đang phát triển, trình độ kỹ thuật công nghệ của sản xuất còn lạc hậu thì nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện cơ khí hoá nhằm thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc, để nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, trong những ngành nghề và lĩnh vực của nền kinh tế khi điều kiện và khả năng cho phép, vẫn có thể ứng dụng ngay những thành tựu khoa học, công nghệ mới hiện đại để rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

Để phát triển lực lượng sản xuất, từng bước xây dựng nền kinh tế có tính độc lập tự chủ cao, quá trình thực hiện CNH, HĐH đòi hỏi xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất (sản xuất máy móc), vì đây là ngành có vị trí quan trọng quyết định cho sự phát triển của các ngành khác. Khi nghiên cứu lý luận về tái sản xuất trong CNTB, V.I. Lenin đã rút ra quy luật: cần phải ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất để chế tạo ra tư liệu sản xuất. Nếu thực hiện được điều này, thì cũng chính là quá trình xây dựng nền kinh tế có tính độc lập, tự chủ cao.

Quá trình thực hiện CNH, HĐH, đòi hỏi phải ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới hiện đại vào tất cả các ngành, các vùng, các lĩnh vực của

nền kinh tế. Tuy nhiên, cần phải có sự lựa chọn cho phù hợp với khả năng, trình độ và điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn, không chủ quan, nóng vội cũng như không trì hoãn, cản trở việc ứng dụng khoa học, công nghệ mới, hiện đại trong quá trình CNH, HĐH.

Thực hiện CNH, HĐH cũng đòi hỏi phải phát triển các ngành công nghiệp bao gồm: công nghiệp nhẹ, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm... theo hướng hiện đại, dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học, công nghệ mới. Đồng thời, đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất lao động, xây dựng nền nông nghiệp xanh, sạch, từng bước nâng cao đời sống người nông dân, gắn với xây dựng nông thôn mới.

CNH, HĐH và ứng dụng khoa học, công nghệ mới, hiện đại đòi hỏi phải được tiến hành đồng bộ, cân đối ở tất cả các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế, thì mới đem lại hiệu quả cao.

CNH, HĐH ở nước ta hiện nay phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức. Từ thập niên 80 thế kỷ XX đến nay, lực lượng sản xuất xã hội đang chuyển từ kinh tế tài nguyên sang kinh tế tri thức, nền văn minh loài người chuyển từ văn minh công nghiệp sang văn minh trí tuệ.

Theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đưa ra năm 1995: Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó có sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Với định nghĩa trên, có thể hiểu kinh tế tri thức là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất xã hội, theo đó trong quá trình lao động của từng người lao động và toàn bộ lao động xã hội, trong từng sản phẩm và trong tổng sản phẩm quốc dân thì hàm lượng lao động cơ bắp, hao phí lao động cơ bắp giảm đi vô cùng nhiều trong khi hàm lượng tri thức, hao phí lao động trí óc tăng lên vô cùng lớn.

Trong nền kinh tế tri thức, những ngành kinh tế có tác động to lớn tới sự phát triển là những ngành dựa vào tri thức, dựa vào thành tựu mới của khoa học, công nghệ. Đó có thể là những ngành kinh tế mới dựa trên công nghệ cao (như công nghệ

thông tin, công nghệ sinh học, ...); nhưng cũng có thể là những ngành kinh tế truyền thống (như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) được ứng dụng khoa học, công nghệ cao.

Thứ hai, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả.

Cơ cấu kinh tế là mối quan hệ tỷ lệ giữa các ngành, các vùng và các thành phần kinh tế. Cơ cấu kinh tế cũng chính là tổng thể cơ cấu các ngành, cơ cấu các vùng và cơ cấu các thành phần kinh tế.

Trong hệ thống các cơ cấu kinh tế, thì cơ cấu ngành kinh tế (công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ) giữ vị trí quan trọng nhất, vì nó phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế và kết quả của quá trình thực hiện CNH, HĐH. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả chính là quá trình tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình CNH, HĐH phải gắn liền với sự phát triển của phân công lao động trong và ngoài nước, từng bước hình thành các ngành, các vùng chuyên môn hoá sản xuất, để khai thác thế mạnh, nâng cao năng suất lao động, đồng thời phát huy nguồn lực của các ngành, các vùng và các thành phần kinh tế.

Cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả phải đáp ứng được các yêu cầu sau: *Một* là, khai thác, phân bổ và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong nước, thu hút có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội. *Hai* là, cho phép ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại vào các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế. *Ba* là, phù hợp xu thế phát triển chung của nền kinh tế và yêu cầu của toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Hệ thống cơ cấu kinh tế tồn tại trong một nền kinh tế quốc dân thống nhất, không tách rời, vì vậy nó đều chịu sự chi phối và tác động của một thể chế, cơ chế và chính sách chung. Việc chuyển dịch cơ cấu ngành, vùng và thành phần kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả không thể tách rời sự phát triển các lĩnh vực khác của nền kinh tế như công nghệ thông tin, năng lượng, viễn thông, giao thông vận tải... Đồng thời, phải được đặt trong chiến lược phát triển tổng thể của nền kinh tế, có tính đến các mối quan hệ trong và ngoài nước; quan hệ giữa trung ương với

địa phương; quan hệ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng; quan hệ giữa tích lũy với tiêu dùng.

Thứ ba, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Mục tiêu của CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân ở nước ta là nhằm xây dựng CNXH, vì vậy phải củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất XHCN trong toàn bộ nền kinh tế.

Quá trình thực hiện CNH, HĐH nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại, đồng thời phải coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN mà nền tảng là chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu, thực hiện chế độ phân phối theo lao động và phân phối qua các quỹ phúc lợi xã hội là chủ yếu.

Quá trình xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất phải đảm bảo sự phù hợp với quan hệ sản xuất, đồng thời củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN, đảm bảo sự phù hợp trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất là: quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối, trao đổi.

Chương II. Tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam và thực trạng CNH, HĐH ở nông thôn hiện nay

2.1 Các giai đoạn phát triển công nghiệp ở nước ta

Quá trình phát triển công nghiệp nước ta trong những thập niên qua đã trải qua 4 giai đoạn. Việc phân chia các giai đoạn dựa theo các biến cố lịch sử có tác động nhiều đến phương hướng phát triển và phân bố cũng như cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.

2.1.1. Giai đoạn trước năm 1945

Trong giai đoạn này, công nghiệp Việt Nam hầu như chủ yếu là các làng nghề thủ công truyền thống, thị trường tiêu thụ rất nhỏ hẹp. Dưới chế độ thực dân Pháp xâm lược, cơ cấu công nghiệp nước ta đã nhỏ bé lại càng phụ thuộc nặng nề vào công nghiệp chính quốc. Máy móc thiết bị nhập khẩu chủ yếu phục vụ cho việc

khai thác tài nguyên và hầu như không có công nghệ chế biến các loại tài nguyên này. Một số mỏ hình thành nhưng không trở thành khu công nghiệp vì trình độ trang bị kỹ thuật lạc hậu, mức độ cơ giới hoá thấp.

2.2.2. Giai đoạn từ 1946 đến 1985

Mặc dù còn non yếu về tiềm lực, thiếu động lực phát triển, cơ cấu vẫn còn được xây dựng dựa trên cơ chế kế hoạch hoá tập trung... nhưng với sự giúp đỡ của các nước XHCN, công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn này đã có những chuyển biến tích cực, chẳng hạn như: đã có 19 ngành công nghiệp nhỏ khá hoàn thiện ra đời và có thể so sánh được với các nền công nghiệp phát triển hơn. Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) có phương hướng: “Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ...”. Theo đó kế hoạch 1976-1980 đề ra là ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp nặng theo chốt, sau đó là phát triển công nghiệp cơ bản và công nghiệp cho xuất khẩu. Tuy nhiên, do cơ cấu công nghiệp trong giai đoạn này vẫn còn theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung nên việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế vẫn bị gò bó trong khuôn khổ này, đối tác quốc tế vẫn là các nước XHCN. Đến cuối thập niên 80, do sự thất bại của các nước XHCN trong chuyển đổi kinh tế nền công nghiệp, Việt Nam cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Việt Nam phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức khi phải tham gia vào một nền kinh tế mới mẻ, tình hình công nghiệp trong nước hiện tại không cho phép Việt Nam có các sản phẩm để cạnh tranh trên thị trường thế giới, ...

2.2.3. Giai đoạn từ 1986 đến trước khi gia nhập WTO (2007)

Đại hội Đảng lần thứ VI (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới tiến hành CNH-HĐH đất nước. Từ đó, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh, tăng cường cơ sở vật chất, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới. Thông qua việc nước ta thực hiện các kế hoạch 5 năm 1986-1990, 1991-1995, 1996-2000, 2001-2005 đã đạt được một số thành tựu được xác định là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước:

Một là, kết thúc kế hoạch 5 năm (1986-1990), công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. GDP tăng 4,4%/ năm. Việc thực hiện tốt

3 chương trình mục tiêu phát triển về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu được đánh giá là thành công bước đầu nhằm cụ thể hoá nội dung của CNH XHCN trong chặng đường đầu tiên đã được Đại hội IV thông qua. Thành công trong kế hoạch 5 năm 1986-1990 là đã chuyển đổi cơ bản cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới, thực hiện một bước quá trình đổi mới đời sống kinh tế - xã hội và giải phóng sức sản xuất.

Hai là, trong 5 năm (1991-1995), nền kinh tế đã đạt được tốc độ tăng trưởng tương đối cao liên tục và tương đối toàn diện, thực hiện vượt mức hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991-1995. GDP bình quân hàng năm trong thời kỳ 1991-1995 tăng 8,2% vượt mức kế hoạch đề ra.

Ba là, thời kỳ 5 năm (1996-2000), được xác định là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước.

Bốn là, thời kỳ 5 năm 2001-2005, kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh theo hướng tích cực, năm sau cao hơn năm trước. Tổng sản phẩm trong nước 5 năm 2001-2005 tăng bình quân 7,5% đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Từ sau khi đổi mới vào năm 1986, trong đó thực hiện chính sách đổi mới về công nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam thì nền công nghiệp Việt Nam đã có những chuyển biến khác rõ rệt. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới – thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Ngoài ra, trong giai đoạn này tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng nhanh và liên tục. Năm 1988 là 21,6%, năm 2005 tăng lên 41%. Riêng trong kế hoạch 5 năm từ năm 2001-2005, giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 15,9%/ năm, giá trị tăng thêm đạt 10,2%/năm. Từ chỗ chưa khai thác dầu mỏ và đến nay thì mỗi năm Việt Nam, đã khai thác được khoảng gần 20 triệu tấn quy ra dầu. Ngành công nghiệp chế tác chiếm 80% giá trị sản lượng công nghiệp. Công nghiệp xây dựng phát triển mạnh với thiết bị công nghệ ngày càng hiện đại.

Sản phẩm công nghiệp xuất khẩu ngày càng tăng: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; hàng dệt may, da giày; sản phẩm của công nghiệp, thực phẩm và tiêu dùng... và có được chỗ đứng trong những thị trường lớn như: Hoa Kỳ, EU,

Trung Quốc và Nhật Bản. Cơ cấu xuất nhập khẩu có sự chuyển biến theo hướng tích cực. Tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm từ 37,2% năm 2000 xuống còn 36% năm 2005, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 38,8% lên 39,8%.

2.2.4. Giai đoạn hậu WTO (đến 2010)

Kinh tế liên tục tăng trưởng đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp.

Quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng, GDP năm 2019 gấp 12,5 lần năm 2001. Tốc độ tăng GDP tương đối cao, bình quân năm trong giai đoạn 2001-2010 tăng 7,26%, đạt xấp xỉ tốc độ tăng 7,56%/năm của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội 1991-2000, đây là một thành tựu phát triển kinh tế rất quan trọng của đất nước ta trong giai đoạn này.

Đầu tư cho phát triển công nghiệp cũng ngày càng được mở rộng, trong đó, đầu tư FDI trở thành động lực chính của phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu phát triển các ngành công nghiệp nước ta theo hướng hiện đại (chiếm tỷ trọng xấp xỉ 70% tổng vốn đầu tư FDI vào các ngành kinh tế, trong đó, đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn nhất với xấp xỉ 60%).

Đầu tư FDI có vai trò to lớn trong việc hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông; khai thác, chế biến dầu khí; điện tử, công nghệ thông tin, thép, xi măng, dệt may, da giày... tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn, cũng như thúc đẩy quá trình HĐH, CNH đất nước. Chẳng hạn, các dự án đầu tư quan trọng của một số công ty đa quốc gia hàng đầu bao gồm Tập đoàn Samsung, Tập đoàn Intel, LG... đã chọn Việt Nam làm nơi sản xuất các sản phẩm điện tử như điện thoại di động và máy tính bảng để xuất khẩu trên toàn thế giới đã đưa ngành điện tử Việt Nam với xuất phát điểm gần như bằng 0 vào những năm trước 2010 lên thành ngành xuất khẩu lớn nhất của đất nước trong giai đoạn hiện nay (đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu điện thoại di động).

Kết hợp hài hoà giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Tận dụng tối đa lợi thế của nước

đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, lợi thế thương mại để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh.

Trong thời gian tới ngành Công Thương sẽ tiếp tục tích cực triển khai thực hiện, cụ thể hóa các đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CNH, HĐH đất nước, tạo môi trường pháp lý bình đẳng và minh bạch cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cạnh tranh, phát triển, khơi thông các nguồn lực trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài, quyết tâm sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2.2 Thực trạng công nghiệp nông thôn ở Việt Nam

Đối với nước ta, lao động nông thôn chuyển sang công nghiệp dịch vụ và đô thị chưa được nhiều, chia sẻ lượng việc làm ngày càng hạn chế trong nông nghiệp. Ngành nông nghiệp chỉ còn đóng góp 20% GDP quốc gia nhưng vẫn tạo nguồn việc làm cho 60 - 70% tổng lao động xã hội đang ở lại nông thôn.

Dân cư nông thôn tiếp tục tăng, trong khi đất đai thu hẹp làm cho bình quân ruộng đất ở nước ta trở nên chật hẹp, không thể cơ giới hóa, hay áp dụng các công nghệ sản xuất hiện đại. Năng suất lao động nông nghiệp giảm dần. Khả năng cạnh tranh của nông sản không cao.

Trong khi tăng trưởng của nông nghiệp chậm lại, khả năng tích lũy từ sản xuất nông nghiệp không đáng kể thì mức độ đầu tư của xã hội vào nông thôn rất thấp (chi tiêu công chỉ đạt 5-6% ngân sách nhà nước, tương đương 3-6% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, bằng khoảng một nửa tỷ lệ trung bình ở các nước Đông và Nam Á. Tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp trong tổng đầu tư xã hội cũng chỉ chiếm 6-7%). Vì vậy, việc phát triển ngành nghề, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn diễn ra rất chậm, càng hạn chế khả năng tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

Phần lớn dân số cả nước là cư dân nông thôn có thu nhập thấp, cho nên sức mua chung cả xã hội hạn chế. Năm năm trước, khi cư dân nông thôn chiếm 80% dân số cả nước thì chi phí tiêu dùng của họ cũng chỉ chiếm khoảng 30% tổng chi tiêu xã hội. Vì vậy, nông thôn không thể trở thành thị trường cho công nghiệp, dịch vụ lấy đà vươn xa ra quốc tế. Những nước "cắt cánh" thành công đều có nền công nghiệp phát triển nhanh, đồng thời với sự thu hẹp nhanh chóng tỷ lệ lao động nông nghiệp và cư dân nông thôn.

Tuy bước đầu đã có sự chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế ở nông nghiệp nông thôn nhưng sự chuyển dịch này diễn ra rất chậm và gặp nhiều khó khăn. Nếu nông thôn, nông dân không chuyển từ "gánh nặng" thành nguồn lực thúc đẩy động cơ công nghiệp hóa thì ngay cả những nước có tài nguyên dầu mỏ như nhiều quốc gia Trung Đông, có công nghiệp, công nghệ rất mạnh như Ấn Độ, Nam Phi, ... vẫn không thể thoát ra khỏi "thế giới thứ 3".

Chương III. Giải pháp thúc đẩy CNH, HĐH nông thôn ở Việt Nam hiện nay (đến năm 2010)

3.1 Vấn đề đầu tư vào nông thôn

Cần đẩy mạnh đầu tư cho nông nghiệp để thúc đẩy sự phát triển ổn định lâu dài cho khu vực nông thôn là vấn đề ưu tiên hàng đầu hiện nay. Ở Hàn Quốc, chi phí khuyến nông đầu tư cho 1 héc-ta làm nông nghiệp là 850 đô la Mỹ. Tuy nhiên hiện nay ở Việt Nam, mức đầu tư này chỉ 1 đô la Mỹ/hect-ta, bằng 1/850 lần so với Hàn Quốc. Giải quyết tình trạng này, trong những năm tiếp theo Chính phủ không nên tiếp tục giảm tỷ lệ đầu tư vào nông nghiệp.

Để thiết lập được vùng chuyên canh nông nghiệp với số lượng hàng hoá lớn, chất lượng ổn định, nông dân phải tích tụ được đất đai canh tác. Nhưng thực tế, việc tích tụ đất đai cũng đang gặp nhiều bất cập. Với hạn mức giao đất nông nghiệp tối đa là 3 héc-ta/hộ, Việt Nam có trên 9 triệu héc-ta đất nông nghiệp cho hơn 12 triệu hộ làm nông nghiệp. Nếu một hộ có 3 héc-ta, thì sẽ có hộ không có đất đai.

3.2 Về vấn đề lao động việc làm của thanh niên nông thôn hiện nay

Một là, tiếp tục quán triệt quan điểm của Đảng ta: “Thực hiện tốt các chính sách về lao động, việc làm, tiền lương và thu nhập nhằm khuyến khích và phát huy cao nhất năng lực của người lao động. Bảo đảm quan hệ lao động hài hoà, cải thiện môi trường và điều kiện lao động. Đẩy mạnh dạy nghề và tạo việc làm. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Hỗ trợ học nghề và tạo việc làm cho các đối tượng chính sách, người nghèo, lao động nông thôn và vùng đô thị hoá”.

Hai là, các địa phương ở khu vực nông thôn cần xây dựng chương trình việc làm trên cơ sở sản xuất, các chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn. Chương trình được xây dựng ở ba cấp: tỉnh, huyện, xã; gắn kế hoạch sản xuất với kế hoạch giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn.

Ba là, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện chính sách và tập trung đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn, giúp họ nâng cao kiến thức khoa học – kỹ thuật, kỹ năng quản lý, kiến thức thị trường để lựa chọn nghề phù hợp.

Bốn là, chú trọng giáo dục ý thức tổ chức, kỷ luật, kỹ năng lao động, tay nghề, ngoại ngữ cho thanh niên ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thanh niên đi lao động theo hợp đồng có thời hạn ở ngoài nước; đồng thời, có biện pháp quản lý, giáo dục, giúp đỡ cho thanh niên nông thôn.

Năm là, huy động từ nhiều nguồn lực để tăng vốn Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm cho thanh niên nông thôn; đầu tư ngân sách thoả đáng để mở rộng mạng lưới dạy nghề, phổ cập nghề cho thanh niên, hỗ trợ vốn cho doanh nhân trẻ nông thôn. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ thị trường lao động, tín dụng ưu đãi cho thanh niên nông thôn vay vốn tạo việc làm.

Sáu là, xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia về định hướng nghề nghiệp và việc làm cho thanh niên. Mở rộng các hình thức tư vấn nghề, nâng cao năng lực cũng như hiệu quả hoạt động các trung tâm dịch vụ việc làm cho thanh niên nông thôn.

Bảy là, hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội từ cơ sở. Hệ thống an sinh xã hội cần tập trung vào các chính sách đối với lao động nông thôn bị mất việc làm, thiếu việc làm do có đất bị thu hồi hoặc gặp rủi ro bởi những bất cập khi xây dựng các

khu công nghiệp và đô thị hoá đối với lao động dôi dư và các chính sách về bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm thất nghiệp.

Tám là, phát huy nỗ lực của cá nhân thanh niên nông thôn trong học tập, lao động và việc làm. Mỗi người phải chủ động học tập, nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn có tay nghề, rèn luyện tác phong công nghiệp.

Chín là, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở cơ sở nông thực hiện các chương trình thanh niên, các đề án thanh niên tham gia phát triển kinh tế. Phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích của thanh niên trong các cuộc vận động: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”.

3.3 Về vấn đề quy hoạch nông thôn

Trong những năm gần đây, nhờ vào chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới mà các địa phương trên cả nước đã tích cực đầu tư, phát triển hạ tầng. Tuy nhiên cần đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển hệ thống giao thông ở nông thôn, các công trình thuỷ lợi, mạng lưới điện và các công trình cung cấp nước sạch cho người dân. Cần xác định đặc điểm tự nhiên và phát triển của từng vùng mà có những phương hướng phát triển cơ sở hạ tầng cho hợp lý, tránh tình trạng xây dựng thừa, hoặc không đảm bảo chất lượng cung ứng của công trình. Trong đó cần đẩy mạnh việc cung ứng những hệ thống giao thông có chất lượng cho người dân với giao thông nông thôn không chỉ là sự di chuyển của người dân nông thôn và hàng hoá của họ, mà còn là các phương tiện để cung cấp đầu vào sản xuất và các dịch vụ hỗ trợ cho khu vực nông thôn của các thành phần kinh tế quốc doanh và tư nhân. Đặc biệt là các công trình công cộng như trường học, trạm xá, bệnh viện cũng cần được đẩy mạnh phát triển. Đây là hai yếu tố cần thiết đảm bảo an sinh xã hội ở nông thôn cũng như là để phát triển hơn nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế ở đây. Đồng thời cần xác định đặc điểm tự nhiên và phát triển của từng vùng mà có những phương hướng phát triển cơ sở hạ tầng cho hợp lý, tránh tình trạng xây dựng thừa, hoặc không đảm bảo chất lượng cung ứng của công trình.

Đồng thời vấn đề quy hoạch sản xuất cần phải được xem xét kĩ càng. Góc của nông thôn mới là sản xuất, nếu sản xuất không tốt, thì không thể nào nâng cao

đời sống nhân dân. Nếu địa phương nào có mô hình sản xuất tốt, gắn với chế biến, tiêu thụ thì sẽ thu được hiệu quả cao. Trong bối cảnh hiện nay, quy hoạch sản xuất phải được rà soát, xem xét lại trên quy mô lớn để khắc phục tình trạng mất cân đối trong sản xuất, đặc biệt là nông, thủy sản. Bên cạnh đó cũng phải chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên quy mô vùng, cả nước. Mỗi địa phương cần xác định rõ đâu là điểm mạnh của mình trong việc phát triển nông nghiệp mà có những mô hình sản xuất nông nghiệp đúng đắn. Đồng thời là ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất. Xây dựng các chính sách đãi ngộ thảo đáng để khai thác, phát huy tốt các nguồn lực khoa học – công nghệ, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao khoa học – công nghệ; thu hút thanh niên, trí thức trẻ về nông thôn, nhất là các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục, văn hoá. Tăng cường ăng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ khác ở nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao. Thêm vào đó cũng cần đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp như tạo được mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và người nông dân, nhà nước cũng cần có những chính sách trợ giá hợp lý cho từng mặt hàng dựa vào đặc điểm thời gian cụ thể.

3.4 Về vấn đề văn hoá nông thôn ngày nay

Để giải quyết những vấn đề bất cập đang xảy ra trong lòng xã hội nông thôn thời kì hiện đại hoá đất nước đòi hỏi những nỗ lực không ngừng từ các cấp lãnh đạo của từng xã, huyện. Tích cực tuyên truyền cho người dân về nét đẹp văn hoá dân tộc, tổ chức các lễ hội, ngày hội tôn vinh các giá trị truyền thống đồng thời vận động người dân xoá bỏ những hủ tục. Bên cạnh đó là đẩy mạnh việc phát huy những nét đẹp của văn hoá thông qua lớp người thanh niên, vừa là biện pháp duy trì truyền thống dân tộc vừa tránh được những lối sống lệch lạc của thế hệ này.

KẾT LUẬN

Qua phân tích tiến trình CNH, HĐH, thực trạng và biện pháp của quá trình CNH, HĐH nông thôn Việt Nam, ta có thể khẳng định: CNH, HĐH nông nghiệp Việt Nam là một quá trình hoàn thiện phương thức tổ chức, quản lý và ứng dụng

những thành tựu tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong từng thời kỳ và luôn giữ vững định hướng của Đảng và Nhà nước đã đặt ra.

Rút kinh nghiệm từ bài học không thành công của thời bao cấp, trong những năm đổi mới vừa qua vấn đề CNH – HĐH nông nghiệp, đã được điều chỉnh cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp và bước đi phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Tuy vậy, tình hình CNH – HĐH trong nông nghiệp nước ta hiện nay còn tồn tại nhiều vấn đề, chưa hoàn thiện hết. Điều đó cũng dễ hiểu, vì CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn vốn là vấn đề phức tạp, có nhiều nội dung liên quan đến hàng chục triệu hộ nông dân trên địa bàn nông thôn rộng lớn với 80% dân số cả nước sinh sống. Vì vậy, quá trình đó phải diễn ra từ thấp đến cao, từ thí điểm đến mở rộng các mô hình khác nhau và mỗi mô hình đều dựa trên những điều kiện kinh tế và kỹ thuật nhất định của ngành, địa phương hoặc vùng lãnh thổ, đồng thời tham khảo kinh nghiệm của thế giới, nhất là các nước trong khu vực đã tiến hành CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn ...

Trong điều kiện Việt Nam những năm cuối của thế kỷ XX này, CNH – HĐH nông nghiệp gắn liền với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tiến bộ, tăng tỷ trọng công nghiệp dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế nông thôn. Vì vậy, vấn đề rất quan trọng mà CNH – HĐH nông nghiệp không thể thiếu là phát triển mạnh ngành nghề dịch vụ phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn, từng bước đô thị hoá nông thôn, áp dụng nhiều phương pháp công nghiệp vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của lao động nông thôn, tạo thêm công ăn việc làm để tăng thêm thu nhập cho nông dân. Từng bước đưa nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu.

Như vậy, CNH – HĐH nông thôn không chỉ là một bộ phận, mà còn là giải pháp quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CH – HĐH nền kinh tế đất nước và đây cũng là chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước ta nhằm đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.